

QUYẾT ĐỊNH

Về chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, bản, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, thôn, bản, tổ dân phố

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ; số 38/2006/NĐ-CP ngày 17/4/2006 về Bảo vệ dân phố; số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã; số 58/2010/NĐ-CP ngày 01/6/2010 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ;

Căn cứ Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản;

Căn cứ Nghị quyết số 121/2015/NĐ-CP ngày 17/7/2015 của HĐND tỉnh về chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, bản, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, thôn, bản, tổ dân phố;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 468/TTr-SNV ngày 14/8/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định về chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã; thôn, bản, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; thôn, làng, bản (gọi chung là thôn), tổ dân phố, khu phố, khối phố, xóm, tiểu khu (gọi chung là tổ dân phố) trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, như sau:

1. Về chức danh, số lượng những người hoạt động không chuyên trách cấp xã; thôn, tổ dân phố:

1.1. Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã:

Mỗi xã, phường, thị trấn có 18 chức danh những người hoạt động không chuyên trách; được bố trí tối đa 20 người đối với cấp xã loại 1 và 19 người đối với cấp xã loại 2 và loại 3, cụ thể:

- 1) Phó Trưởng Công an (02 người).
- 2) Phó Chỉ huy Quân sự (02 người đối với cấp xã loại 1).
- 3) Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc.
- 4) Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh.
- 5) Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ.
- 6) Phó Chủ tịch Hội Nông dân.
- 7) Phó Bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.
- 8) Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng ủy.
- 9) Văn phòng Đảng ủy.
- 10) Chủ tịch Hội người cao tuổi.
- 11) Chủ tịch Hội chữ thập đỏ.
- 12) Văn thư – Lưu trữ - Thủ quỹ.
- 13) Đài truyền thanh.
- 14) Lao động – Thương binh và Xã hội.
- 15) Dân số – Gia đình – Trẻ em.
- 16) Văn hoá - Thể thao.
- 17) Khuyến nông viên (không áp dụng đối với phường).
- 18) Thú y (không áp dụng đối với phường).

Khuyến khích những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã kiêm nhiệm các chức danh nêu tại Khoản 1 đến Khoản 18 mục này.

1.2. Những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố:

Mỗi thôn thuộc xã có 06 chức danh những người hoạt động không chuyên trách được bố trí tối đa 06 người; riêng 341 thôn thuộc 11 huyện miền núi theo Quyết định số 2106/QĐ-UBND ngày 04/7/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh được bố trí tối đa 07 người. Mỗi tổ dân phố thuộc phường và thị trấn có 05 chức danh những người hoạt động không chuyên trách được bố trí tối đa 05 người. Các chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố như sau:

- 1) Bí thư chi bộ.
- 2) Trưởng thôn, tổ dân phố.
- 3) Công an viên (ở thôn, tổ dân phố thuộc xã, thị trấn) hoặc Tổ trưởng Tổ bảo vệ dân phố (thuộc phường).
- 4) Thôn đội trưởng kiêm Tổ phó Tổ bảo vệ an ninh trật tự thôn, tổ dân phố (thuộc xã, thị trấn) hoặc Thôn đội trưởng kiêm Tổ phó Tổ bảo vệ dân phố (thuộc phường).
- 5) Tổ viên Tổ bảo vệ an ninh trật tự thôn, tổ dân phố (thuộc xã, thị trấn) hoặc Tổ viên Tổ bảo vệ dân phố (thuộc phường).

6) Nhân viên y tế thôn (đối với 341 thôn thuộc 11 huyện miền núi theo Quyết định số 2106/QĐ-UBND ngày 04/7/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh được bố trí 02 người, trong đó có 01 nhân viên y tế thôn là Cô đỡ thôn).

Khuyến khích những người hoạt động không chuyên trách là Bí thư chi bộ ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm chức danh Trưởng thôn, tổ dân phố.

2. Về phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã; thôn, tổ dân phố:

2.1. Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã hưởng phụ cấp hàng tháng theo tháng lương tối thiểu chung:

1) Phó Trưởng Công an, Phó chỉ huy quân sự hưởng hệ số 1,0.

2) Phó chủ tịch UBNDTTQ, Phó chủ tịch Hội Cựu chiến binh, Phó chủ tịch Hội Phụ nữ, Phó chủ tịch Hội Nông dân, Phó Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy, Văn phòng Đảng ủy hưởng hệ số 0,8.

3) Chủ tịch Hội người cao tuổi, Chủ tịch Hội chữ thập đỏ, Văn thư – Lưu trữ - Thủ quỹ, Đài truyền thanh, Lao động – Thương binh và Xã hội, Dân số – Gia đình – Trẻ em, Văn hoá - Thể thao hưởng hệ số 0,7.

Trường hợp người hoạt động không chuyên trách kiêm nhiệm các chức danh nêu tại điểm 1, 2, 3 mục này được hưởng thêm phụ cấp kiêm nhiệm 20% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm.

4) Khuyến nông viên: trình độ đại học hưởng hệ số 1,0; cao đẳng được hưởng hệ số 0,8; trung cấp hưởng hệ số 0,7.

5) Thú y: trình độ đại học được hưởng hệ số 0,9; cao đẳng được hưởng hệ số 0,7; trung cấp hưởng hệ số 0,6.

2.2. Hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã bằng 3% tháng lương tối thiểu chung.

2.3. Những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố hưởng phụ cấp hàng tháng theo tháng lương tối thiểu chung:

1) Bí thư chi bộ hưởng hệ số 0,9.

2) Trưởng thôn, tổ dân phố hưởng hệ số 0,9.

3) Công an viên hoặc Tổ trưởng Tổ bảo vệ dân phố hưởng hệ số 0,6.

4) Thôn đội trưởng kiêm Tổ phó Tổ bảo vệ an ninh trật tự thôn, tổ dân phố hoặc Thôn đội trưởng kiêm Tổ phó Tổ bảo vệ dân phố hưởng hệ số 0,5.

5) Nhân viên y tế thôn hưởng hệ số 0,5 đối với thôn tại các xã khó khăn; hệ số 0,3 áp dụng đối với nhân viên y tế thôn tại các xã còn lại.

6) Tổ viên Tổ bảo vệ an ninh trật tự thôn, tổ dân phố hoặc Tổ viên Tổ bảo vệ dân phố hưởng hệ số 0,3.

Trường hợp Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn, tổ dân phố được hưởng thêm mức phụ cấp bằng 30% mức phụ cấp của Trưởng thôn, tổ dân phố.

3. Khoản kinh phí hoạt động cho các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; thôn, tổ dân phố:

3.1. Khoản kinh phí hoạt động cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân ở cấp xã, cụ thể:

Mỗi xã, phường, thị trấn là 10 triệu/năm cho 05 tổ chức.

3.2. Khoản kinh phí hoạt động cho thôn, tổ dân phố và Ban Công tác Mặt trận, Chi Đoàn Thanh niên, Chi Hội Cựu chiến binh, Chi Hội Phụ nữ, Chi Hội Nông dân ở thôn, tổ dân phố; cụ thể:

Mỗi thôn, tổ dân phố là 8 triệu đồng/năm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan hướng dẫn, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra và định kỳ báo cáo UBND tỉnh việc thực hiện Quyết định này.

- Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các đơn vị có liên quan dự toán kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách; tham mưu cho UBND tỉnh đề nghị Trung ương hỗ trợ theo quy định và trình HĐND tỉnh bố trí từ nguồn ngân sách tỉnh trong dự toán ngân sách hàng năm; tham mưu cho UBND tỉnh hướng dẫn việc sử dụng kinh phí khoản hoạt động cụ thể cho từng tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, thôn, tổ dân phố; hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng kinh phí theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

- Giao UBND các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn, kiểm tra UBND cấp xã thực hiện chế độ chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách theo quy định của pháp luật và Quyết định này của UBND tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Các chức danh, số lượng, chế độ chính sách quy định tại Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2016. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bị bãi bỏ.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Trưởng các ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Văn phòng Chính phủ, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính (b/c);
- Cục Kiểm tra VB - Bộ Tư pháp (b/c);
- TTr. Tỉnh ủy, TTr. HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu QH, đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- TTr. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, THKH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đình Xứng